

LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN-LẦN 2
(Đợt 2 - Các lớp khóa 2023)
Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Trang 1

STT	Ngày Thi	Tên môn học/mô đun	Mã MH	Số HSSV dự kiến	Phòng thi	Giờ thi	TG làm bài (phút)	Ghi chú
1	16/03/24	Thương phẩm hàng thực phẩm	0803007	2	A2.03	07g30	60	
2	16/03/24	Dinh dưỡng và xây dựng thực đơn	0803012	1	A2.03	07g30	60	
3	16/03/24	Hoá sinh	0807001	6	A2.03	07g30	60	
4	16/03/24	Hạch toán định mức trong chế biến món ăn	0817014	1	A2.03	07g30	90	
5	16/03/24	Tin học	0819001	17	F2.3	07g30	90	
6	16/03/24	Quản trị cơ sở dữ liệu	0819007	1	F2.3	07g30	120	Thi mô đun
7	16/03/24	Pháp luật	1209002	3	A2.06	07g30	60	
8	16/03/24	Giáo dục chính trị	1209003	2	A2.06	07g30	60	
9	16/03/24	Dinh dưỡng và xây dựng thực đơn	1603019	17	A2.03	07g30	60	
10	16/03/24	Tiếng Anh	1610001	30	A2.07	07g30	60	
11	16/03/24	Tiếng Anh	1610001	30	A2.08	07g30	60	
12	16/03/24	Tiếng Anh	1610001	27	A2.09	07g30	60	
13	16/03/24	Khảo sát tuyển điểm du lịch Việt Nam	1613002	2	A2.05	07g30	10	Thi mô đun
14	16/03/24	Quản trị học	1613003	5	A2.06	07g30	60	
15	16/03/24	Kê toán tiền	1617002	1	A2.06	07g30	90	Thi mô đun
16	16/03/24	Mạng máy tính	1619010	13	A2.06	07g30	60	
17	16/03/24	Vi sinh	0805001	2	A2.08	09g30	60	
18	16/03/24	Marketing dịch vụ	0814029	3	A2.08	09g30	90	
19	16/03/24	Nguyên lý kế toán	0817002	1	A2.08	09g30	90	
20	16/03/24	Thương phẩm hàng thực phẩm	1603005	24	A2.08	09g30	60	
21	16/03/24	Hoá sinh	1607001	13	A2.09	09g30	60	
22	16/03/24	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	1614001	14	A2.09	09g30	60	
23	16/03/24	Marketinh căn bản	1614014	3	A2.09	09g30	60	
24	16/03/24	Thống kê kinh doanh	1616002	1	A2.08	09g30	90	
25	16/03/24	Tin học	1619002	32	F2.5	09g30	90	
26	16/03/24	Giáo dục thể chất	0811001	5	STDTT1	14g00		Thi mô đun
27	16/03/24	Tổng quan du lịch	0815001	2	A2.06	14g00	60	
28	16/03/24	Tổng quan bếp bánh	1601013	2	A2.06	14g00	60	
29	16/03/24	Hóa cơ bản	1603001	7	A2.06	14g00	60	
30	16/03/24	Giáo dục thể chất	1611001	9	STDTT1	14g00		Thi mô đun
31	16/03/24	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	1614012	2	A2.06	14g00	60	
32	16/03/24	Tổng quan du lịch	1615001	9	A2.06	14g00	60	
33	16/03/24	Lập trình cơ bản	1619003	11	F2.5	14g00	90	

LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN-LẦN 2
(Đợt 2 - Các lớp khóa 2023)

Trang 2

STT	Ngày Thi	Tên môn học/mô đun	Mã MH	Số HSSV dự kiến	Phòng thi	Giờ thi	TG làm bài (phút)	Ghi chú
34	16/03/24	Thiết kế minh họa với Illustrator	1619015	9	F2.5	15g30	90	Thi mô đun
35	17/03/24	Sinh lý thực vật	0806001	3	A2.07	07g30	60	
36	17/03/24	Kỹ năng mềm	0809003	6	A2.07	07g30	60	
37	17/03/24	Tiếng Anh	0810001	6	A2.07	07g30	60	
38	17/03/24	Kinh tế vi mô	0813005	1	A2.07	07g30	60	
39	17/03/24	Bán hàng và Chăm sóc khách hàng	0814003	1	A2.06	07g30	10	Thi mô đun
40	17/03/24	An toàn lao động	1602002	6	A2.07	07g30	60	
41	17/03/24	Giáo dục chính trị	1609001	26	A2.09	07g30	60	
42	17/03/24	Giáo dục chính trị	1609001	25	A2.08	07g30	60	
43	17/03/24	Tổng quan siêu thị	1615010	2	A2.07	07g30	60	
44	17/03/24	Nhập môn kế toán	1617014	4	A2.07	07g30	90	
45	17/03/24	Thiết kế Web	1619007	10	F2.1	07g30	90	Thi mô đun
46	17/03/24	Xử lý ảnh photoshop	1620002	3	F2.3	07g30	120	Thi mô đun
47	17/03/24	Văn hóa ẩm thực	1601001	12	A2.07	09g30	60	
48	17/03/24	An toàn vệ sinh thực phẩm	1603002	12	A2.07	09g30	60	
49	17/03/24	Kỹ năng mềm	1609003	22	A2.09	09g30	60	
50	17/03/24	Kỹ năng mềm	1609003	22	A2.08	09g30	60	
51	17/03/24	An toàn lao động trong nhà bếp	1602001	16	A2.08	14g00	60	
52	17/03/24	Pháp luật	1609002	31	A2.09	14g00	60	
53	17/03/24	Bố cục trong thiết kế	1620001	16	F2.5	14g00	90	

Lưu ý:

- HSSV đến phòng thi trước giờ thi 30 phút để làm thủ tục vào phòng
- Khi vào phòng thi phải xuất trình thẻ HSSV
- HSSV thi lần 2 nộp lệ phí thi và lệ phí nguyên vật liệu (nếu có) theo quy định

Nơi nhận:

- Các phòng, khoa, TT;
- Lưu Đào tạo.

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Thảo Tiên

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Thương phẩm hàng thực phẩm (0803007) - Số Tín Chi: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 3 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.03**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC160002	Mai Thị Kim	Anh	28/08/04	23CM1				
2	23CC160045	Đặng Phan Minh	Hàng	11/09/05	23CM2				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Dinh dưỡng và xây dựng thực đơn (0803012) - Số Tín Chỉ: 4

Nhóm Thi Nhóm Thi 5 - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 16/03/24 Giờ thi: 07g30 - 60 phút Phòng thi A2.03

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC160003	Trần Quốc Bảo	12/09/03	23CM1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Vi sinh (0805001) - Số Tín Chỉ: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 11 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 09g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.08**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC040004	Mạc Kế	Hoàng	11/10/05	23S				
2	23CC040007	Nguyễn Thị	Nga	22/09/03	23S				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Sinh lý thực vật (0806001) - Số Tín Chỉ: 4**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 12 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.07**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC040007	Nguyễn Thị	Nga	22/09/03	23S				
2	23CC040018	Châu Nhật	Quân	16/04/05	23SNB				
3	23CC040015	Trương Nguyễn Tuấn	Việt	09/10/05	23SNB				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Hoá sinh (0807001) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi Nhóm Thi 13 - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 16/03/24 Giờ thi: 07g30 - 60 phút Phòng thi A2.03

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC010023	Lê Thị Thu	Hương	22/06/05	23C2				
2	23CC040007	Nguyễn Thị	Nga	22/09/03	23S				
3	23CC010029	Võ Nguyễn Yến	Nhi	16/09/05	23C2				
4	23CC010025	Nguyễn Hữu	Tin	19/11/05	23C2				
5	23CC040013	Lê Thị Minh	Triều	22/05/05	23SNB				
6	23CC010038	Trần Huỳnh Văn	Trung	10/09/03	23C2				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Kỹ năng mềm (0809003) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi Nhóm Thi 15 - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 17/03/24 Giờ thi: 07g30 - 60 phút Phòng thi A2.07

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC130001	Trần Hồ Phương	Anh	19/10/05	23KS				
2	23CC130002	Lương Hàn	Châu	08/09/05	23KS				
3	23CC130005	Chu Trương Thành	Lợi	10/11/01	23KS				
4	23CC130008	Mai Anh	Quang	21/04/03	23KS				
5	23CC130017	Phạm Đình	Quang	17/11/05	23KS				
6	23CC010012	Huỳnh Nhất	Tín	11/01/05	23C1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Tiếng Anh (0810001) - Số Tín Chỉ: 5**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 16 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.07**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC160002	Mai Thị Kim	Anh	28/08/04	23CM1				
2	23CC130015	Trương Thị	Phụng	27/09/03	23KS				
3	23CC130014	Lê Xuân	Vũ	14/05/04	23KS				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Giáo dục thể chất (0811001) - Số Tín Chỉ: 2**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 183 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 14g00 -** **phút** **Phòng thi STDTT1**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC160003	Trần Quốc	Bảo	12/09/03	23CM1				
2	23CC010024	Trần Chí	Kiên	05/09/04	23C2				
3	23CC130017	Phạm Đình	Quang	17/11/05	23KS				
4	23CC040018	Châu Nhật	Quân	16/04/05	23SNB				
5	23CC160055	Lê Đình	Thuận	15/04/03	23CM2				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

Học phần **Kinh tế vi mô (0813005) - Số Tín Chỉ: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 18 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.07**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC020009	Đinh Thị Mai Trình	31/05/05	23A				

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

Họ tên và chữ ký CBCT

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Bán hàng và Chăm sóc khách hàng (0814003) - Số Tín Chi: 4
Nhóm Thi Nhóm Thi 20 - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 17/03/24 Giờ thi: 07g30 - 10 phút Phòng thi A2.06

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	22LC130001	Lê Thị Minh Nguyệt	04/09/03	22LTKS				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Marketing dịch vụ (0814029) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Nhóm Thi 22 - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 16/03/24 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi A2.08

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC130002	Lương Hàn	Châu	08/09/05	23KS				
2	23CC130005	Chu Trương Thành	Lợi	10/11/01	23KS				
3	23CC130017	Phạm Đình	Quang	17/11/05	23KS				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Tổng quan du lịch (0815001) - Số Tín Chỉ: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 23 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 14g00 - 60 phút** **Phòng thi A2.06**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC130017	Phạm Đình	Quang	17/11/05	23KS				
2	23CC160063	Trần Đăng	Quân	02/09/05	23CM2				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Nguyên lý kế toán (0817002) - Số Tín Chỉ: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 28 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 09g30 - 90 phút** **Phòng thi A2.08**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC020009	Đinh Thị Mai	Trinh	31/05/05	23A				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Hạch toán định mức trong chế biến món ăn (0817014) - Số Tín Chỉ: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 32 - Tổ 002 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 90 phút** **Phòng thi A2.03**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	22LC160006	Ngô Văn Thương	08/02/04	22LTCM				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Tin học (0819001) - Số Tín Chỉ: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 34 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 90 phút** **Phòng thi F2.3**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CC020001	Nguyễn Thị	Ban	12/12/05	23A				
2	23CC130002	Lương Hàn	Châu	08/09/05	23KS				
3	23CC010002	Dương Thị Thúy	Chi	26/06/05	23C1				
4	23CC010004	Lê Thị	Hào	03/07/05	23C1				
5	23CC130004	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	12/03/05	23KS				
6	23CC130005	Chu Trương Thành	Lợi	10/11/01	23KS				
7	23CC020005	Khổng Thị Xuân	Mai	05/03/03	23A				
8	23CC050011	Huỳnh Thị	Năm	20/04/98	23I				
9	23CC040008	Trịnh Ngọc Kim	Ngân	09/09/05	23SNB				
10	23CC130015	Trương Thị	Phụng	27/09/03	23KS				
11	23CC130017	Phạm Đình	Quang	17/11/05	23KS				
12	23CC040018	Châu Nhật	Quân	16/04/05	23SNB				
13	23CC010011	Trần Thị út	Tiên	08/08/05	23C1				
14	23CC130010	Mai Thị Thu	Trang	19/10/05	23KS				
15	23CC010013	Phạm Thị Kiều	Trâm	03/10/05	23C1				
16	23CC020009	Đinh Thị Mai	Trinh	31/05/05	23A				
17	23CC130014	Lê Xuân	Vũ	14/05/04	23KS				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Quản trị cơ sở dữ liệu (0819007) - Số Tín Chi: 5**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 38 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 -120 phút** **Phòng thi F2.3**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	22CC050007	Nguyễn Anh Khoa	08/04/04	22I				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Pháp luật (1209002) - Số Tín Chi: 1
Nhóm Thi Nhóm Thi 47 - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 16/03/24 Giờ thi: 07g30 - 60 phút Phòng thi A2.06

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23LC050001	Trần Thái Quang	Dững	09/08/05	23LTI				
2	23CC050006	Nguyễn Quốc	Thiện	14/07/05	23LTI				
3	23LC050007	Võ Lương	Trọng	22/09/05	23LTI				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Giáo dục chính trị (1209003) - Số Tín Chỉ: 2**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 48 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.06**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	22LC130001	Lê Thị Minh	Nguyệt	04/09/03	22LTKS				
2	22LC130003	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	15/09/04	22LTKS				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Văn hóa ẩm thực (1601001) - **Số Tín Chỉ: 2**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 51 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 09g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.07**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT150007	Nguyễn Thanh	Hoàng	03/10/08	23T-DL1				
2	23CT140015	Phan Văn Vũ	Hoàng	18/06/08	23T-NH1				
3	23CT140019	Dương Gia	Huy	03/09/08	23T-NH1				
4	23CT140070	Nguyễn Bảo	Huy	09/10/08	23T-NH2				
5	23CT140018	Phan Quốc	Huy	24/10/08	23T-NH1				
6	23CT140023	Nguyễn Trần Đăng	Khôi	28/11/08	23T-NH1				
7	23CT140028	Phan Giang	Nam	16/05/08	23T-NH1				
8	23CT140083	Lê Đức Bảo	Ngọc	28/11/08	23T-NH2				
9	23CT140040	Nguyễn Lê Trường	Thịnh	10/10/08	23T-NH1				
10	23CT140042	Nguyễn Võ Uyên	Thư	17/07/08	23T-NH1				
11	23CT150020	Nguyễn Tường Bảo	Uyên	17/05/08	23T-DL1				
12	23CT150021	Phan	Vỹ	31/07/08	23T-DL1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Tổng quan bếp bánh (1601013) - Số Tín Chỉ: 2**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 94 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 14g00 - 60 phút** **Phòng thi A2.06**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT070019	Phan Phước Như	Ngọc	29/07/08	23T-B1				
2	23CT070032	Trương Anh	Thư	17/02/08	23T-B1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **An toàn lao động trong nhà bếp (1602001) - Số Tín Chỉ: 2**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 97 - Tổ 001 - Đợt 2**

Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 14g00 - 60 phút** **Phòng thi A2.08**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT160069	Lê Nhật	Anh	06/04/08	23T-CM3				
2	23CT160041	Nguyễn Minh	Huy	18/01/08	23T-CM2				
3	23CT160014	Nguyễn Lê Phúc	Khang	15/05/08	23T-CM1				
4	23CT160044	Trần Quốc	Khánh	24/01/08	23T-CM2				
5	23CT160081	Trần Phạm Anh	Khoa	25/07/08	23T-CM3				
6	23CT160119	Lê Văn	Khôi	12/06/08	23T-CM4				
7	23CT160017	Lê Tấn	Lộc	08/08/08	23T-CM1				
8	23CT160121	Ngô Gia	Minh	20/04/08	23T-CM4				
9	23CT070019	Phan Phước Như	Ngọc	29/07/08	23T-B1				
10	23CT160020	Mai Đăng Chí	Nguyên	02/10/08	23T-CM1				
11	21CT160140	Lê Minh	Nhật	13/02/06	21T-CM3				
12	23CT160024	Lý Thế	Quân	28/09/08	23T-CM1				
13	23CT160060	Đặng Công Ngọc	Tài	20/02/08	23T-CM2				
14	23CT160061	Võ Nhật	Thành	17/01/08	23T-CM2				
15	23CT160062	Tạ Hồng	Thiện	05/12/08	23T-CM2				
16	23CT160099	Huỳnh Tấn	Trường	19/08/08	23T-CM3				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **An toàn lao động (1602002) - Số Tín Chỉ: 2**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 98 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.07**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT010041	Nguyễn Quang Đăng	Duy	25/07/08	23T-C2				
2	23CT010017	Nguyễn Ngọc	Luân	06/05/08	23T-C1				
3	23CT010052	Nguyễn Nhật Thanh	Nhi	17/10/08	23T-C2				
4	23CT010055	Nguyễn Văn	Tài	18/03/08	23T-C2				
5	23CT010058	Nguyễn Khắc	Thuận	16/08/08	23T-C2				
6	23CT010062	Lê Đức	Trí	15/06/08	23T-C2				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Hóa cơ bản (1603001) - Số Tín Chỉ: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 99 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 14g00 - 60 phút** **Phòng thi A2.06**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT010037	Lê Gia	Bảo	09/11/08	23T-C2				
2	23CT010041	Nguyễn Quang Đăng	Duy	25/07/08	23T-C2				
3	23CT010011	Lê Văn	Huy	03/09/08	23T-C1				
4	23CT010044	Mai Thị Thanh	Huyền	24/11/08	23T-C2				
5	23CT010053	Đặng Đình	Phong	04/11/06	23T-C2				
6	21CT010027	Trần Duy	Vũ	26/01/06	21T-C1				
7	21CT010025	Đỗ Thị Thanh	Vy	05/09/06	21T-C1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **An toàn vệ sinh thực phẩm (1603002) - Số Tín Chi: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 100 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 09g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.07**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT070001	Võ Quốc Hoàng	Anh	10/09/08	23T-B1				
2	23CT160081	Trần Phạm Anh	Khoa	25/07/08	23T-CM3				
3	23CT160119	Lê Văn	Khôi	12/06/08	23T-CM4				
4	23CT160047	Trần Quang	Lai	19/04/08	23T-CM2				
5	23CT160017	Lê Tấn	Lộc	08/08/08	23T-CM1				
6	23CT070051	Lê Nhật	Minh	10/06/08	23T-B2				
7	23CT160121	Ngô Gia	Minh	20/04/08	23T-CM4				
8	23CT070019	Phan Phước Như	Ngọc	29/07/08	23T-B1				
9	23CT160060	Đặng Công Ngọc	Tài	20/02/08	23T-CM2				
10	23CT160061	Võ Nhật	Thành	17/01/08	23T-CM2				
11	23CT160062	Tạ Hồng	Thiện	05/12/08	23T-CM2				
12	23CT160099	Huỳnh Tấn	Trường	19/08/08	23T-CM3				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Ho tên và chữ ký CBCT

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Dinh dưỡng và xây dựng thực đơn (1603019) - Số Tín Chỉ: 4

Nhóm Thi Nhóm Thi 104 - Tổ 001 - Đợt 2

Ngày Thi 16/03/24 Giờ thi: 07g30 - 60 phút Phòng thi A2.03

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT160001	Nguyễn Thành	An	27/11/08	23T-CM1				
2	23CT160069	Lê Nhật	Anh	06/04/08	23T-CM3				
3	23CT160006	Phạm Thanh Anh	Hải	05/07/08	23T-CM1				
4	23CT160039	Trần Văn	Hoàng	22/02/08	23T-CM2				
5	23CT160042	Mai Phúc	Huy	15/09/08	23T-CM2				
6	23CT160014	Nguyễn Lê Phúc	Khang	15/05/08	23T-CM1				
7	23CT160044	Trần Quốc	Khánh	24/01/08	23T-CM2				
8	23CT160081	Trần Phạm Anh	Khoa	25/07/08	23T-CM3				
9	23CT160119	Lê Văn	Khôi	12/06/08	23T-CM4				
10	23CT160121	Ngô Gia	Minh	20/04/08	23T-CM4				
11	23CT160060	Đặng Công Ngọc	Tài	20/02/08	23T-CM2				
12	23CT160061	Võ Nhật	Thành	17/01/08	23T-CM2				
13	23CT160062	Tạ Hồng	Thiện	05/12/08	23T-CM2				
14	23CT160095	Bùi Thanh	Thuận	27/07/06	23T-CM3				
15	23CT160064	Nguyễn Thanh	Tình	22/09/06	23T-CM2				
16	23CT160099	Huỳnh Tấn	Trường	19/08/08	23T-CM3				
17	23CT160102	Huỳnh Quốc	Việt	02/06/08	23T-CM3				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Giáo dục chính trị (1609001) - Số Tín Chi: 2**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 115 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.09**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT070001	Võ Quốc Hoàng	Anh	10/09/08	23T-B1				
2	23CT080003	Vũ Tiến	Anh	27/01/08	23T-ĐH1				
3	23CT070003	Mai Thị Kim	ánh	01/01/08	23T-B1				
4	23CT160005	Phan Thị Thanh	Giang	11/04/08	23T-CM1				
5	23CT140010	Trần Hoàng	Hài	23/11/08	23T-NH1				
6	23CT060008	Đoàn Lê Trọng	Hiếu	01/10/08	23T-ST1				
7	23CT010007	Trần Đình	Hiếu	26/05/08	23T-C1				
8	23CT160010	Đình Hải	Hoàng	25/05/08	23T-CM1				
9	23CT140015	Phan Văn Vũ	Hoàng	18/06/08	23T-NH1				
10	23CT010008	Trần Minh	Hoàng	02/10/08	23T-C1				
11	23CT140019	Dương Gia	Huy	03/09/08	23T-NH1				
12	23CT140020	Hồ Văn Gia	Huy	01/10/08	23T-NH1				
13	23CT010011	Lê Văn	Huy	03/09/08	23T-C1				
14	23CT140070	Nguyễn Bảo	Huy	09/10/08	23T-NH2				
15	23CT080009	Trần Hoàng Gia	Hưng	19/10/08	23T-ĐH1				
16	23CT140072	Ngô Phúc	Hy	09/09/08	23T-NH2				
17	23CT010014	Nguyễn Ngọc	Khoa	22/11/07	23T-C1				
18	23CT160081	Trần Phạm Anh	Khoa	25/07/08	23T-CM3				
19	23CT160119	Lê Văn	Khôi	12/06/08	23T-CM4				
20	23CT140023	Nguyễn Trần Đăng	Khôi	28/11/08	23T-NH1				
21	23CT010050	Phạm Khánh	Ly	14/02/08	23T-C2				
22	23CT010051	Nguyễn Thành	Nam	17/04/08	23T-C2				
23	23CT140083	Lê Đắc Bảo	Ngọc	28/11/08	23T-NH2				
24	23CT070019	Phan Phước Như	Ngọc	29/07/08	23T-B1				
25	23CT060013	Trần Hạnh	Nhân	18/10/06	23T-ST1				
26	23CT150011	Hoàng ý	Nhi	03/12/08	23T-DL1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Giáo dục chính trị (1609001) - Số Tín Chỉ: 2**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 115 - Tổ 002 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.08**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT160016	Võ Sông	Lam	15/05/08	23T-CM1				
2	23CT080022	Lê Hải	Quang	17/08/08	23T-ĐH1				
3	23CT080023	Hồ Hoàng	Quân	07/09/05	23T-ĐH1				
4	23CT140096	Lê Minh	Tâm	25/08/08	23T-NH2				
5	23CT140035	Trần Thanh	Tâm	04/10/08	23T-NH1				
6	23CT140036	Mai Nguyễn Đông	Tây	05/02/08	23T-NH1				
7	23CT160062	Tạ Hồng	Thiện	05/12/08	23T-CM2				
8	23CT140039	Trần Phước	Thiện	19/01/08	23T-NH1				
9	23CT140040	Nguyễn Lê Trường	Thịnh	10/10/08	23T-NH1				
10	23CT010057	Nguyễn Văn	Thọ	17/06/08	23T-C2				
11	23CT160095	Bùi Thanh	Thuận	27/07/06	23T-CM3				
12	23CT140042	Nguyễn Võ Uyên	Thư	17/07/08	23T-NH1				
13	23CT140041	Trần Thị Minh	Thư	08/03/08	23T-NH1				
14	23CT140045	Trần Văn	Thương	26/10/08	23T-NH1				
15	23CT160063	Lê Thị Thủy	Tiên	18/11/08	23T-CM2				
16	23CT140106	Huỳnh Đoàn Thảo	Trang	21/03/08	23T-NH2				
17	23CT060022	Trần Thị Bích	Trang	18/05/07	23T-ST1				
18	23CT020011	Trần Huyền Bảo	Trân	23/07/08	23T-A1				
19	23CT160098	Đặng Lê Bá	Trung	14/08/08	23T-CM3				
20	23CT080036	Lê Quốc	Trung	18/09/05	23T-ĐH1				
21	23CT160099	Huỳnh Tấn	Trường	19/08/08	23T-CM3				
22	23CT160101	Đinh Văn	Tuyên	26/03/04	23T-CM3				
23	23CT160100	Lê Đức	Tự	30/04/07	23T-CM3				
24	23CT160102	Huỳnh Quốc	Việt	02/06/08	23T-CM3				
25	23CT150021	Phan	Vỹ	31/07/08	23T-DL1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Kỹ năng mềm (1609003) - Số Tín Chi: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 121 - Tổ 002 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 09g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.08**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT080023	Hồ Hoàng	Quân	07/09/05	23T-ĐH1				
2	23CT050026	Huỳnh Quang	Sáng	17/02/08	23T-I1				
3	23CT050100	Trần Lê Đức	Sỹ	29/10/08	23T-I3				
4	23CT010056	Huỳnh Kim	Tài	26/07/08	23T-C2				
5	23CT080028	Lê Phan Chí	Thiện	05/09/07	23T-ĐH1				
6	23CT050027	Nguyễn Vĩnh	Thiện	13/01/08	23T-I1				
7	23CT050104	Lê Trần Phước	Thịnh	20/11/08	23T-I3				
8	23CT080031	Mai Thị Diệu	Thúy	25/05/07	23T-ĐH1				
9	23CT060026	Đình Quang	Thư	20/08/06	23T-ST1				
10	23CT060022	Trần Thị Bích	Trang	18/05/07	23T-ST1				
11	23CT020010	Võ Ngọc Bảo	Trâm	16/07/08	23T-A1				
12	23CT020011	Trần Huyền Bảo	Trân	23/07/08	23T-A1				
13	23CT050107	Lê Minh	Trí	17/12/08	23T-I3				
14	23CT060023	Võ Nguyễn Thùy	Trinh	29/06/07	23T-ST1				
15	23CT080038	Lê Quốc	Tú	15/09/08	23T-ĐH1				
16	23CT060024	Nguyễn Thanh	Tú	16/09/07	23T-ST1				
17	23CT080040	Nguyễn Phúc	Tuyển	05/01/08	23T-ĐH1				
18	23CT050073	Lê Văn	Viên	26/08/08	23T-I2				
19	23CT050035	Đặng Lê Hoài	Việt	27/09/08	23T-I1				
20	23CT080042	Lê Minh	Vũ	10/11/02	23T-ĐH1				
21	23CT050036	Phạm Nguyên	Vũ	13/07/05	23T-I1				
22	23CT020015	Nguyễn Thị Diễm	Xuân	20/11/08	23T-A1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Tiếng Anh (1610001) - Số Tín Chỉ: 4**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 123 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.07**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT050040	Lê Vũ Hoàng	Anh	05/01/08	23T-I2				
2	23CT070003	Mai Thị Kim	ánh	01/01/08	23T-B1				
3	23CT010037	Lê Gia	Bảo	09/11/08	23T-C2				
4	23CT140003	Võ Ngọc	Bảo	10/10/08	23T-NH1				
5	23CT050005	Nguyễn Hữu	Chiến	03/06/08	23T-I1				
6	23CT050044	Phạm Văn Minh	Duy	30/09/08	23T-I2				
7	23CT050080	Trần Văn	Hậu	20/05/08	23T-I3				
8	23CT050047	Mai Đăng	Hiển	12/12/07	23T-I2				
9	23CT050081	Lê Đình	Hiếu	19/07/08	23T-I3				
10	23CT020001	Lê Thị Ngân	Hồng	24/01/08	23T-A1				
11	23CT050084	Lê Tấn Quốc	Huy	09/02/08	23T-I3				
12	23CT050017	Nguyễn Văn	Huy	10/09/08	23T-I1				
13	23CT050085	Nguyễn Xuân	Huy	23/10/07	23T-I3				
14	23CT140018	Phan Quốc	Huy	24/10/08	23T-NH1				
15	23CT140068	Phan Trọng	Huy	16/07/07	23T-NH2				
16	23CT050014	Võ Gia	Huy	19/09/08	23T-I1				
17	23CT050049	Phan Minh	Hưng	17/11/08	23T-I2				
18	23CT080009	Trần Hoàng Gia	Hưng	19/10/08	23T-ĐH1				
19	23CT080012	Huỳnh Văn	Khang	08/03/08	23T-ĐH1				
20	23CT050087	Mai Hoàng Duy	Khoa	03/02/08	23T-I3				
21	23CT140023	Nguyễn Trần Đăng	Khôi	28/11/08	23T-NH1				
22	23CT010017	Nguyễn Ngọc	Luân	06/05/08	23T-C1				
23	23CT050091	Tán Duy	Mẫn	18/07/08	23T-I3				
24	23CT050021	Đặng Nhật	Minh	30/07/08	23T-I1				
25	23CT070051	Lê Nhật	Minh	10/06/08	23T-B2				
26	23CT010051	Nguyễn Thành	Nam	17/04/08	23T-C2				
27	23CT140083	Lê Đắc Bảo	Ngọc	28/11/08	23T-NH2				
28	23CT070019	Phan Phước Như	Ngọc	29/07/08	23T-B1				
29	23CT020005	Trần Thị Thu	Nguyệt	25/03/08	23T-A1				
30	23CT060013	Trần Hạnh	Nhân	18/10/06	23T-ST1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Tiếng Anh (1610001) - Số Tín Chỉ: 4**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 123 - Tổ 002 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.08**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT070023	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	11/11/08	23T-B1				
2	23CT050096	Trần Sử Trung	Nhật	02/01/08	23T-I3				
3	23CT050024	Nguyễn Anh	Phúc	03/09/08	23T-I1				
4	23CT070053	Nguyễn Đức	Phúc	31/10/08	23T-B2				
5	23CT080023	Hồ Hoàng	Quân	07/09/05	23T-ĐH1				
6	23CT050061	Trần Tường	Quân	03/04/08	23T-I2				
7	23CT050099	Nguyễn Tấn	Quốc	03/12/08	23T-I3				
8	23CT010023	Lê Đức	Tài	05/10/08	23T-C1				
9	23CT050064	Nguyễn Thành	Tâm	13/12/08	23T-I2				
10	23CT140037	Phạm Ngọc	Thái	02/10/08	23T-NH1				
11	23CT050103	Trần Thị Thanh	Thảo	24/06/08	23T-I3				
12	23CT080028	Lê Phan Chí	Thiện	05/09/07	23T-ĐH1				
13	23CT050027	Nguyễn Vĩnh	Thiện	13/01/08	23T-I1				
14	23CT080030	Nguyễn Anh	Thuận	10/12/08	23T-ĐH1				
15	23CT080031	Mai Thị Diệu	Thúy	25/05/07	23T-ĐH1				
16	23CT140103	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	09/10/08	23T-NH2				
17	23CT070032	Trương Anh	Thư	17/02/08	23T-B1				
18	23CT070033	Lê Thị Thủy	Tiên	09/01/08	23T-B1				
19	23CT080032	Nguyễn Trọng	Tín	19/12/08	23T-ĐH1				
20	21CT160135	Lê Ngọc Bảo	Trân	10/03/06	21T-A1				
21	23CT050107	Lê Minh	Trí	17/12/08	23T-I3				
22	23CT070036	Đàm Nguyệt Phương	Trinh	13/10/08	23T-B1				
23	23CT080036	Lê Quốc	Trung	18/09/05	23T-ĐH1				
24	23CT080037	Trần Quan	Trường	04/07/08	23T-ĐH1				
25	23CT080038	Lê Quốc	Tú	15/09/08	23T-ĐH1				
26	23CT050071	Trần Bình Anh	Tú	18/12/08	23T-I2				
27	23CT070037	Trần Nguyên	Tú	10/09/08	23T-B1				
28	23CT140052	Nguyễn Thái	Tùng	04/01/08	23T-NH1				
29	23CT050035	Đặng Lê Hoài	Việt	27/09/08	23T-I1				
30	23CT140054	Hồ Anh	Vũ	25/10/08	23T-NH1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Tiếng Anh (1610001) - Số Tín Chỉ: 4**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 123 - Tổ 003 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.09**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT050036	Phạm Nguyên	Vũ	13/07/05	23T-I1				
2	23CT140056	Nguyễn Thảo	Vy	02/02/08	23T-NH1				
3	23CT070059	Trần Ngọc Như	ý	01/08/08	23T-B2				
4	23CT070040	Từ Nữ Như	ý	17/04/08	23T-B1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Giáo dục thể chất (1611001) - Số Tín Chi: 1**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 185 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 14g00 -** **phút** **Phòng thi STDTT1**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT160074	Phạm Phú	Duy	12/09/08	23T-CM3				
2	23CT160011	Nguyễn Minh	Hùng	09/06/08	23T-CM1				
3	23CT160085	Nguyễn Lê	Nguyên	21/12/08	23T-CM3				
4	23CT160022	Lê Trung	Phát	24/12/08	23T-CM1				
5	23CT160024	Lý Thế	Quân	28/09/08	23T-CM1				
6	23CT160092	Đặng Văn Nam	Sơn	05/09/08	23T-CM3				
7	23CT160028	Lê Thị Mai	Trang	09/05/08	23T-CM1				
8	23CT160029	Nguyễn Trần Hữu	Trí	02/08/08	23T-CM1				
9	23CT160032	Vũ Quốc	Việt	17/10/08	23T-CM1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Khảo sát tuyến điểm du lịch Việt Nam (1613002) - Số Tín Chi: 5**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 127 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 10 phút** **Phòng thi A2.05**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT150020	Nguyễn	Tường Bảo Uyên	17/05/08	23T-DL1				
2	23CT150021	Phan	Vỹ	31/07/08	23T-DL1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Quản trị học (1613003) - Số Tín Chỉ: 2**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 128 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.06**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT060008	Đoàn Lê Trọng	Hiếu	01/10/08	23T-ST1				
2	23CT060011	Phan Thị Xuân	Mai	16/06/08	23T-ST1				
3	23CT060025	Phùng Thị Ngọc	Mai	14/12/07	23T-ST1				
4	23CT060022	Trần Thị Bích	Trang	18/05/07	23T-ST1				
5	23CT060023	Võ Nguyễn Thùy	Trinh	29/06/07	23T-ST1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch (1614001) - Số Tín Chỉ: 3**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 130 - Tổ 001 - Đợt 2**

Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 09g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.09**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT140013	Hồ Quốc Minh	Hiếu	28/09/08	23T-NH1				
2	23CT140063	Phùng Minh	Hoàng	07/06/08	23T-NH2				
3	23CT140016	Nguyễn Xuân	Hùng	15/03/05	23T-NH1				
4	23CT140019	Dương Gia	Huy	03/09/08	23T-NH1				
5	23CT140069	Phạm Quốc	Huy	06/10/07	23T-NH2				
6	23CT140023	Nguyễn Trần Đăng	Khôi	28/11/08	23T-NH1				
7	23CT140083	Lê Đức Bảo	Ngọc	28/11/08	23T-NH2				
8	23CT140091	Nguyễn Hoài	Phương	09/11/08	23T-NH2				
9	23CT140093	Đinh Khánh	Quân	21/07/08	23T-NH2				
10	23CT140036	Mai Nguyễn Đông	Tây	05/02/08	23T-NH1				
11	23CT140039	Trần Phước	Thiện	19/01/08	23T-NH1				
12	23CT140040	Nguyễn Lê Trường	Thịnh	10/10/08	23T-NH1				
13	23CT140042	Nguyễn Võ Uyên	Thư	17/07/08	23T-NH1				
14	23CT150020	Nguyễn Tường Bảo	Uyên	17/05/08	23T-DL1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (1614012) - Số Tín Chỉ: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 134 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 14g00 - 60 phút** **Phòng thi A2.06**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT060013	Trần Hạng	Nhân	18/10/06	23T-ST1				
2	23CT060024	Nguyễn Thanh	Tú	16/09/07	23T-ST1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Marketinh căn bản (1614014) - Số Tín Chi: 3
Nhóm Thi Nhóm Thi 136 - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 16/03/24 Giờ thi: 09g30 - 60 phút Phòng thi A2.09

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT060002	Huỳnh Ngọc Duy	Bảo	30/09/08	23T-ST1				
2	23CT060008	Đoàn Lê Trọng	Hiếu	01/10/08	23T-ST1				
3	23CT060024	Nguyễn Thanh	Tú	16/09/07	23T-ST1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Tổng quan du lịch (1615001) - Số Tín Chi: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 138 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 14g00 - 60 phút** **Phòng thi A2.06**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT140070	Nguyễn Bảo	Huy	09/10/08	23T-NH2				
2	23CT140018	Phan Quốc	Huy	24/10/08	23T-NH1				
3	23CT140023	Nguyễn Trần Đăng	Khôi	28/11/08	23T-NH1				
4	23CT150009	Lê Hồ Văn	Kiệt	29/09/08	23T-DL1				
5	23CT140036	Mai Nguyễn Đông	Tây	05/02/08	23T-NH1				
6	23CT140040	Nguyễn Lê Trường	Thịnh	10/10/08	23T-NH1				
7	23CT140042	Nguyễn Võ Uyên	Thư	17/07/08	23T-NH1				
8	23CT150020	Nguyễn Tường Bảo	Uyên	17/05/08	23T-DL1				
9	23CT150021	Phan	Vỹ	31/07/08	23T-DL1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Tổng quan siêu thị (1615010) - Số Tín Chỉ: 2**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 144 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 60 phút** **Phòng thi A2.07**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT060002	Huỳnh Ngọc Duy	Bảo	30/09/08	23T-ST1				
2	23CT060011	Phan Thị Xuân	Mai	16/06/08	23T-ST1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

Học phần **Thông kê kinh doanh (1616002) - Số Tín Chỉ: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 152 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 09g30 - 90 phút** **Phòng thi A2.08**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT020005	Trần Thị Thu Nguyệt	25/03/08	23T-A1				

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

Họ tên và chữ ký CBCT

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Kê toán tiền (1617002) - Số Tín Chỉ: 2**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 153 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 90 phút** **Phòng thi A2.06**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT020009	Hoàng Anh Thư	29/08/08	23T-A1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Nhập môn kế toán (1617014) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Nhóm Thi 154 - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 17/03/24 Giờ thi: 07g30 - 90 phút Phòng thi A2.07

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT020001	Lê Thị Ngân	Hồng	24/01/08	23T-A1				
2	23CT020004	Trần Thị Bảo	Ngân	08/12/08	23T-A1				
3	23CT020005	Trần Thị Thu	Nguyệt	25/03/08	23T-A1				
4	23CT020012	Nguyễn Ngô Cẩm	Tú	12/05/08	23T-A1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Lập trình cơ bản (1619003) - Số Tín Chi: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 159 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 14g00 - 90 phút** **Phòng thi F2.5**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT050001	Dương Quốc	An	01/04/08	23T-I1				
2	23CT050009	Nguyễn Trần Nhật	Duy	03/09/08	23T-I1				
3	23CT050008	Đình Tiến	Đạt	21/10/08	23T-I1				
4	23CT050042	Nguyễn Đình Trọng	Đức	15/02/08	23T-I2				
5	23CT050049	Phan Minh	Hưng	17/11/08	23T-I2				
6	23CT050021	Đặng Nhật	Minh	30/07/08	23T-I1				
7	23CT050024	Nguyễn Anh	Phúc	03/09/08	23T-I1				
8	23CT050027	Nguyễn Vĩnh	Thiện	13/01/08	23T-I1				
9	23CT050028	Đặng Bảo	Tiên	11/11/08	23T-I1				
10	23CT050033	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuấn	19/04/08	23T-I1				
11	23CT050036	Phạm Nguyên	Vũ	13/07/05	23T-I1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Thiết kế Web (1619007) - Số Tín Chỉ: 4**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 161 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 07g30 - 90 phút** **Phòng thi F2.1**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT050078	Dương Gia	Bảo	13/10/08	23T-I3				
2	23CT050045	Lê Hậu	Giang	08/08/08	23T-I2				
3	23CT050086	Trần Hữu Đan	Huy	29/07/08	23T-I3				
4	23CT050049	Phan Minh	Hưng	17/11/08	23T-I2				
5	23CT050054	Nguyễn Hoàng Bảo	Khanh	31/07/08	23T-I2				
6	23CT050058	Lê Văn Bảo	Ngọc	06/03/08	23T-I2				
7	23CT050095	Bùi Hoàng	Nguyên	09/07/08	23T-I3				
8	23CT050097	Đồng Thiên	Phú	21/01/08	23T-I3				
9	23CT050102	Lương Công	Thành	13/06/08	23T-I3				
10	23CT050027	Nguyễn Vĩnh	Thiện	13/01/08	23T-I1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần Mạng máy tính (1619010) - Số Tín Chi: 3
Nhóm Thi Nhóm Thi 169 - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 16/03/24 Giờ thi: 07g30 - 60 phút Phòng thi A2.06

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	22CT050002	Tôn Thất Phi	Anh	31/01/06	22T-I1				
2	22CT050003	Huỳnh Ngọc Thái	Bình	02/05/07	22T-I1				
3	22CT050040	Mai Đức	Chánh	16/06/07	22T-I2				
4	22CT050048	Nguyễn Văn	Kiên	01/04/07	22T-I2				
5	22CT050019	Đặng Đình	Phong	23/10/07	22T-I1				
6	22CT050022	Huỳnh Nhật	Quang	09/01/07	22T-I1				
7	22CT050061	Ngô Nhật	Quân	01/12/07	22T-I2				
8	22CT050025	Hoàng Minh	Tâm	03/10/07	22T-I1				
9	22CT050063	Nguyễn Minh Hoàng Gia	Thịnh	04/10/07	22T-I2				
10	22CT050027	Đặng Trương Bảo	Thy	28/07/07	22T-I1				
11	22CT050029	Lưu Thiên	Trí	27/09/07	22T-I1				
12	22CT050030	Lương Quang	Tuấn	11/07/07	22T-I1				
13	22CT050036	Phạm Ngọc Hoàng	Vũ	14/11/07	22T-I1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Thiết kế minh họa với Illustrator (1619015) - Số Tín Chỉ: 2**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 175 - Tổ 001 - Đợt 2**

Ngày Thi **16/03/24** **Giờ thi: 15g30 - 90 phút** **Phòng thi F2.5**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT050005	Nguyễn Hữu	Chiến	03/06/08	23T-I1				
2	23CT050009	Nguyễn Trần Nhật	Duy	03/09/08	23T-I1				
3	23CT050049	Phan Minh	Hưng	17/11/08	23T-I2				
4	23CT050022	Võ Thị Hoài	Ngọc	12/08/08	23T-I1				
5	23CT050098	Nhữ Minh	Phương	06/11/08	23T-I3				
6	23CT050027	Nguyễn Vĩnh	Thiện	13/01/08	23T-I1				
7	23CT050033	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuấn	19/04/08	23T-I1				
8	23CT050035	Đặng Lê Hoài	Việt	27/09/08	23T-I1				
9	23CT050036	Phạm Nguyên	Vũ	13/07/05	23T-I1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Bố cục trong thiết kế (1620001) - Số Tín Chỉ: 3**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 179 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 14g00 - 90 phút** **Phòng thi F2.5**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT080001	Đặng Thị Phương	Anh	01/01/08	23T-ĐH1				
2	23CT080004	Nguyễn Lê Minh	Châu	10/08/08	23T-ĐH1				
3	23CT080009	Trần Hoàng Gia	Hưng	19/10/08	23T-ĐH1				
4	23CT080013	Mai Hoàng Quý	My	18/11/08	23T-ĐH1				
5	23CT080015	Hồ Nguyên	Ngọc	10/01/08	23T-ĐH1				
6	23CT080016	Huỳnh Thanh	Nguyên	13/01/08	23T-ĐH1				
7	23CT080018	Nguyễn Văn	Nhật	25/07/08	23T-ĐH1				
8	23CT080026	Huỳnh Bá	Tài	01/11/07	23T-ĐH1				
9	23CT080027	Lê Văn Đổ	Tài	19/03/08	23T-ĐH1				
10	23CT080025	Mai Thanh	Tân	15/07/08	23T-ĐH1				
11	23CT080028	Lê Phan Chí	Thiện	05/09/07	23T-ĐH1				
12	23CT080033	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	27/09/08	23T-ĐH1				
13	23CT080036	Lê Quốc	Trung	18/09/05	23T-ĐH1				
14	23CT080037	Trần Quan	Trường	04/07/08	23T-ĐH1				
15	23CT080038	Lê Quốc	Tú	15/09/08	23T-ĐH1				
16	23CT080040	Nguyễn Phúc	Tuyến	05/01/08	23T-ĐH1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - LẦN 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Học phần **Xử lý ảnh photoshop (1620002) - Số Tín Chỉ: 4**
Nhóm Thi **Nhóm Thi 180 - Tổ 001 - Đợt 2**
Ngày Thi **17/03/24** **Giờ thi: 07g30 -120 phút** **Phòng thi F2.3**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số đề	SốTờ /máy	Chữ ký	Ghi chú
1	23CT080006	Võ Công Phát	Đạt	24/07/07	23T-ĐH1				
2	23CT080017	Nguyễn Trần Đình	Nguyên	02/06/08	23T-ĐH1				
3	23CT080026	Huỳnh Bá	Tài	01/11/07	23T-ĐH1				

Số S/V Trong Danh Sách: Số S/V Dự Thi : _____

Họ tên và chữ ký CBCT

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 202__
Trưởng bộ môn

DANH SÁCH DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN - LẦN 2
Học kỳ 1 - Năm học: 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh

Mã HP: 0810001

Số TC: 5

Ngày thi: 07g30 - 17/3/2024

Phòng thi: A2.07

STT	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số đề	Số tờ/số	Chữ ký	Ghi chú
1	22CC160023	Trịnh Văn Vĩ	23/03/2004	22CM				
2	22CC050012	Nguyễn Lưu Gia Bảo	16/09/2004	22I				
3	22CC050001	Hồ Văn Đoàn	20/09/2004	22I				

Số HSSV trong danh sách:.....Số SV dự thi:.....

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 03 năm 2024

CB coi thi

Tổ trưởng bộ môn

DANH SÁCH DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN - LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học: 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh

Mã HP: 1610001

Số TC: 4

Ngày thi: 07g30 - 16/3/2024

Phòng thi: A2.09

STT	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số đề	Số tờ/số máy	Chữ ký	Ghi chú
1	22CT050002	Tôn Thất Phi Anh	31/01/2006	22T-I1				
2	22CT050007	Lê Văn Huân	06/08/2007	22T-I1				
3	22CT050021	Phạm Đăng Quang	09/11/2007	22T-I1				
4	22CT050022	Huỳnh Nhật Quang	09/01/2007	22T-I1				
5	22CT050038	Trần Quân Bảo	17/11/2005	22T-I2				
6	22CT050040	Mai Đức Chánh	16/06/2007	22T-I2				
7	22CT050060	Cao Xuân Phương	25/10/2007	22T-I2				
8	22CT050062	Nguyễn Quốc Sơn	21/09/2007	22T-I2				
9	22CT050072	Dương Hiền Phúc	29/04/2007	22T-I3				
10	22CT050073	Đặng Văn Hậu	01/06/2007	22T-I3				
11	22CT050077	Bùi Đình Huy	22/09/2007	22T-I3				
12	22CT050078	Đặng Công Anh	30/01/2007	22T-I3				
13	22CT050080	Kỳ Hữu Gia Long	01/02/2007	22T-I3				
14	22CT050081	Hoàng Sỹ Luân	05/11/2007	22T-I3				
15	22CT050088	Đặng Thị Phương	14/12/2006	22T-I3				
16	22CT050090	Trần Ngọc Thiện	26/07/2007	22T-I3				
17	22CT050091	Huỳnh Văn Thịnh	24/02/2007	22T-I3				
18	22CT050094	Nguyễn Văn Tin	02/11/2007	22T-I3				
19	22CT050096	Nguyễn Lê Minh Trí	08/01/2007	22T-I3				
20	22CT050106	Nguyễn Hoàng Hải Vy	17/09/2007	22T-I3				
21	22CT050104	Huỳnh Văn Vỹ	19/07/2007	22T-I3				
22	22CT050150	Huỳnh Đình Hải	17/04/1993	22T-I5				
23	22CT140084	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	07/06/2007	22T-NH2				

Số HSSV trong danh sách:.....Số SV dự thi:.....

CB coi thi

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 03 năm 2024
Tổ trưởng bộ môn